

CÔNG TY CỔ PHẦN LIZEN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số/No.: 123 /LIZEN-PL&KSNB

TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2026  
Hochiminh City, March 30, 2026

**TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 24/3/2026 ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ  
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2026**

***SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 24/3/2026 FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING  
THE RIGHTS TO JOIN IN THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026***

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange



## I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE

### 1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ <i>The State as shareholder</i>	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ <i>Founder/ FDI Shareholder</i>	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn/ <i>Major Shareholders</i>	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>	14.139	0,01	1	1	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	14.139	0,01	1	1	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	2.000.338	0,96	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Preferred stocks</i>	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	196.120.709	94,01	24.466	61	24.405
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	192.338.284	92,20	24.353	44	24.309
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	3.782.425	1,81	113	17	96
<b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>		<b>208.602.467</b>	<b>100</b>	<b>24.469</b>	<b>63</b>	<b>24.406</b>
<i>Trong đó: - Trong nước/ Domestic</i>		<i>204.820.042</i>	<i>98,19</i>	<i>24.356</i>	<i>46</i>	<i>24.310</i>
<i>- Nước ngoài/ Foreign</i>		<i>3.782.425</i>	<i>1,81</i>	<i>113</i>	<i>17</i>	<i>96</i>

### 2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

#### *Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis*

Công ty chưa xác định được danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14. Theo đó, Công ty chưa thể tóm tắt theo bảng bên dưới.

*The company has not identified the list of professional securities investors according to Article 11 of the Securities Law No. 54/2019/QH14. Accordingly, the Company cannot summarize according to the table below.*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ Major Shareholders (excluding Professional investors)	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Trong nước/ Domestic	10.467.281	5,02	1	0	1
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital					
	- Trong nước/ Domestic	514.161	0,24	23	23	0
	- Nước ngoài/ Foreign	2.704.032	1,30	17	17	0
<b>TỔNG CỘNG/ Total</b>		<b>13.685.474</b>	<b>6,56</b>	<b>41</b>	<b>40</b>	<b>1</b>

### 3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholding structure on type of share basis

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyên nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	2(**)	3	4=2+3	5
<b>I. Cổ đông nội bộ</b>	<b>0</b>	<b>19.694.946</b>	<b>19.694.946</b>	<b>9,44</b>
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>2.000.338</b>	<b>2.000.338</b>	<b>0,96</b>
<b>III. Công đoàn Công ty</b>	<b>0</b>	<b>14.139</b>	<b>14.139</b>	<b>0,01</b>
<b>IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>V. Cổ đông khác</b>	<b>0</b>	<b>186.893.044</b>	<b>186.893.044</b>	<b>89,59</b>
<b>1. Trong nước</b>	<b>0</b>	<b>183.215.388</b>	<b>183.215.388</b>	<b>87,83</b>
1.1 Cá nhân	0	182.354.954	182.354.954	87,42
1.2 Tổ chức	0	860.434	860.434	0,41
Trong đó Nhà nước:	0	0	0	0
<b>2. Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>3.677.656</b>	<b>3.677.656</b>	<b>1,76</b>
2.1 Cá nhân	0	973.624	973.624	0,47
2.2 Tổ chức	0	2.704.032	2.704.032	1,30
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>0</b>	<b>208.602.467</b>	<b>208.602.467</b>	<b>100</b>

## II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
<b>A. Cổ đông nhà nước/State shareholders</b>							
<b>Tổng Cộng A/ Total A</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders</b>							
1	Nguyễn Văn Nghĩa				10.467.281	5,02	0
<b>Tổng Cộng B/ Total B</b>					<b>10.467.281</b>	<b>5,02</b>	<b>0</b>
<b>C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders</b>							
<b>Tổng Cộng C/ Total C</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)</b>							
<b>Tổng Cộng D/ Total D</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
					10.467.281	5,02	

**III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS**

STT No.	Họ tên  Name	Chức vụ  Position	Số lượng CP/ Number of shares			
			Hạn chế chuyển nhượng(*)	Chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Transfer restriction	Free transfer	Total	Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	0	6.206.055	6.206.055	2,98
2	Tăng Quốc Thuộc	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Member of the BOD Deputy General Director	0	1.318.520	1.318.520	0,63
3	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT, TV UBKT Member of the BOD, Member of Audit Committee	0	10.467.281	10.467.281	5,02
4	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT Member of the BOD	0	104.769	104.769	0,05
5	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT, Trưởng ban UBKT	0	25	25	0

		<i>Member of the BOD, Head of Audit Committee</i>				
6	Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	329.239	329.239	0,16
7	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người UQ CBTT, Người quản trị công ty <i>Deputy General Director, Authorized person to disclose information, Person in charge of corporate governance</i>	0	532.753	532.753	0,26
8	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	110.859	110.859	0,05
9	Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	553.134	553.134	0,27
10	Bành Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	59.449	59.449	0,03
11	Đỗ Văn Hưởng	Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	0	12.862	12.862	0,01
<b>TỔNG CỘNG/TOTAL:</b>			<b>0</b>	<b>19.694.946</b>	<b>19.694.946</b>	<b>9,44</b>

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*Authorized person to disclose information*



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Phương Nam*